

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/DS-ST
Ngày: 03-9-2020
“V/v Tranh chấp nợ hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh;

Bà Vũ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Thị Xà Ly – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2020/TLST-DS, ngày 21/02/2020 về việc “Tranh chấp nợ hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/QĐST-DS ngày 18/8/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị C - sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn U - sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt) và bà Phạm Thị N - sinh năm 1973 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Ph, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/02/2020, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị C trình bày:

Thời gian vào năm 2015, bà có tham gia chơi hui do vợ chồng bà Phạm Thị N và ông Trần Văn U làm chủ hui, cụ thể các dây hui như sau:

Dây hui 500.000 đồng áp ngày 15/8/2015 âm lịch có 34 chân, bà tham gia 01 chân. Dây hui 500.000 đồng áp ngày 09/02/2016 âm lịch có 36 chân, bà tham gia 01 chân. Dây hui 1.000.000 đồng áp vào ngày 15/10/2017 âm lịch có 15 chân, bà tham gia 02 chân.

Sau khi mãn hui, thì bà cùng vợ chồng ông U, bà N gặp nhau thỏa thuận 04 chân hui trên đã mãn và tính tiền thì vợ chồng bà N còn nợ bà là 45.000.000 đồng, vợ chồng bà N, ông U có làm biên nhận cho bà giữ.

Sau khi tính toán làm biên nhận xong thì vợ chồng bà N không trả nợ cho bà.

Từ đó bà trực tiếp đến nhà đòi nhiều lần thì vợ chồng bà N cũng chỉ hứa hết lần này đến lần khác chứ không có trả cho bà cho đến nay.

Do vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị N và ông Trần Văn U phải trả cho bà số tiền hui là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng), trả một lần, ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

Đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn, tại Bản tự khai ngày 08/5/2020, bị đơn ông Trần Văn U trình bày:

Ông U thừa nhận bà Trương Thị C có tham gia chơi hui do vợ chồng ông làm chủ. Các chân hui, dây hui và số lần đóng hui như bà C trình bày là đúng. Ông cũng thừa nhận số tiền hui hiện nay vợ chồng ông còn nợ bà C là 45.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà C số tiền này nhưng hẹn trả dần mỗi tháng 500.000đ cho đến khi hết nợ và xin bà C giảm bớt số vốn xuống còn 35.000.000 đồng.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp nợ hui” là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các bước tiến hành tố tụng đúng theo quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Riêng đối với bị đơn là bà N không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự 2015, Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hui, biêu, phường. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị C, buộc bà Phạm Thị N và ông Trần Văn U phải có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền nợ hui là 45.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn vẹn chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Trương Thị C cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nên bà khởi kiện bà Phạm Thị N, ông Trần Văn U về việc “Tranh chấp nợ hui” được Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn ông Trần Văn U vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

Bị đơn bà Phạm Thị N là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được tổng đạt hợp lệ nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về nội dung: Thời gian từ năm 2015 đến năm 2017, giữa bà Trương Thị C với bà Phạm Thị N, ông Trần Văn U có thỏa thuận góp hui với nhau, vợ chồng bà N, ông U làm chủ hui, bà C là thành viên trong các dây hui. Quá trình chơi hui, bà C thực hiện đầy đủ nghĩa vụ góp hui của mình cho đến khi vợ chồng bà N ngưng xô hui. Tuy nhiên, từ khi ngưng xô hui đến nay, vợ chồng bà N vẫn chưa giao tiền hui

đầy đủ cho bà C nên bà C khởi kiện đòi lại số tiền nợ hui 45.000.000đ. Xét về nội dung và hình thức hợp đồng góp hui như trên giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015 nên phát sinh hiệu lực thi hành.

[3] Xét yêu cầu của bà C buộc vợ chồng bà N, ông U phải trả số tiền nợ hui là 45.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, ông U thừa nhận vợ chồng ông còn nợ lại bà C số tiền hui là 45.000.000 đồng nhưng hẹn trả dần mỗi tháng 500.000đ cho đến khi hết nợ và xin bà C giảm bớt số vốn còn lại là 35.000.000 đồng. HĐXX thấy rằng, bà N, ông U không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao tiền hui theo đúng cam kết là đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 18 Nghị định 19/2009/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường và yêu cầu xin trả nợ dần, giảm bớt số vốn của ông cũng không được bà C đồng ý cho nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C và buộc bà N, ông U có nghĩa vụ thanh toán số nợ hui 45.000.000 đồng cho bà C là phù hợp.

[4] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm Sát là có căn cứ phù hợp với nhận định, đánh giá của HĐXX nên chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí: Bà Phạm Thị N, ông Trần Văn U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.250.000đ (45.000.000đ x 5%) do ông bà có lỗi trong vụ kiện này.

Bà Trương Thị C được nhận lại số tiền 1.125.000 đồng mà bà đã nộp tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0008778, ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;
Áp dụng vào Điều 471 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/2/2019 về họ, hui, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị C.

Buộc bà Phạm Thị N, ông Trần Văn U có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị C số tiền 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà C cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà N, ông U còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị N, ông Trần Văn U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Trương Thị C được nhận lại số tiền 1.125.000 đồng (một triệu, một trăm, hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008778, ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03/9/2020). Đương sự vắng mặt tại

phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tôn